

Cẩm Khê, ngày 08 tháng 3 năm 2023

Số: 68/2023/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 131/2023TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981

Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Khu G, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào các Điều 55, 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 27/10/2005 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 27/10/2007; kể từ ngày vợ chồng ly hôn đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T không yêu cầu nhưng chị L có quyền thăm nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở.

2.2. *Về con riêng*: Chị Lê Thị L tục tiếp nuôi dưỡng con riêng của chị L là cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 07/11/2019. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng cho con riêng của chị Lê Thị L khi vợ chồng ly hôn.

2.3. *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí*: Anh T tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007943 ngày 22/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Anh T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hán Hưởng

